

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án đầu tư Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư thuộc Khu đô thị đường Nguyễn Văn Cừ (đoạn từ đường Cái Sơn Hàng Bàng đến đường Tỉnh 923)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1184/TTr-SXD ngày 04 tháng 5 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư thuộc Khu đô thị đường Nguyễn Văn Cừ (đoạn từ đường Cái Sơn Hàng Bàng đến đường Tỉnh 923), với các nội dung như sau:

1. Tên dự án : Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư thuộc Khu đô thị đường Nguyễn Văn Cừ (đoạn từ đường Cái Sơn Hàng Bàng đến đường Tỉnh 923).

2. Người quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

3. Chủ đầu tư: Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Cần Thơ.

4. Mục tiêu và quy mô đầu tư xây dựng:

a) Mục tiêu:

Xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật phù hợp với quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được duyệt, giải quyết nhu cầu tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng các dự án nhà nước thu hồi đất, góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

b) Quy mô đầu tư xây dựng:

- Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư thuộc Khu đô thị đường Nguyễn Văn Cừ (đoạn từ đường Cái Sơn Hàng Bàng đến đường Tỉnh 923), trên khu đất khoảng 4,19ha, cung cấp 204 lô nền tái định cư và đáp ứng hạ tầng kỹ thuật cho 252 căn hộ chung cư, dân số dự kiến là 1.824 người, bao gồm các hạng mục: San lấp mặt bằng; Hệ thống đường giao thông; Hệ thống cấp nước – phòng cháy chữa cháy; Hệ thống thoát nước (nước mưa và nước sinh hoạt); Hệ thống chiếu sáng; Hệ thống cấp điện (đường dây và trạm biến áp); Hệ thống thông tin liên lạc; Hệ thống cây xanh; Hệ thống xử lý nước thải; Cắm mốc nền tái định cư.

- Đầu tư xây dựng các tuyến đường nội bộ theo quy hoạch tổng mặt bằng đã được phê duyệt.

- Xây dựng hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ nhu cầu sử dụng của dự án.

- Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

- + Diện tích toàn khu quy hoạch: 41.992,2 m² (khoảng 4,19 ha).
- + Dân số: 1.824 người;
- + Tầng cao đối với nhà ở tái định cư: tối đa 04 tầng;
- + Cao độ san nền: +2,53m (hệ cao độ Quốc gia - Hòn Dấu).
- + Cao độ xây dựng tối thiểu: + 2,80 m (hệ cao độ Quốc gia - Hòn Dấu).
- + Tiêu chuẩn cấp điện dân dụng: 2.100KWh/người/năm.
- + Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt: 180 lít/người/ngày.
- + Cấp nước công trình công cộng, dịch vụ: 10% lượng nước sinh hoạt.
- + Cấp nước tưới cây, rửa đường: 8% lượng nước sinh hoạt.
- + Cấp nước chữa 2 đám cháy đồng thời: 30lít/s.
- + Nước dự phòng, rò rỉ: ≤ 25% tổng lượng nước trên.
- + Thoát nước thải: 80% lưu lượng nước cấp.
- + Lượng chất thải rắn: 1,3 kg/người/ngày đêm.

+ Xử lý nước thải sinh hoạt: tiếp nhận nước thải từ các hộ dân đã được xử lý cục bộ, vận chuyển về các trạm xử lý nước thải tập trung của dự án sau đó đưa vào hệ thống thoát nước chung của thành phố.

+ Xử lý nước mưa: Nước mưa được thu vào hệ thống tuyến ống thoát qua các cửa hố ga và được đưa vào hệ thống thoát nước chung của thành phố.

+ Xử lý rác: thu gom tập trung tại một số vị trí trong khu dự án và chuyển rác đến nơi xử lý chung của thành phố.

c) Phương án xây dựng chủ yếu:

- San lấp mặt bằng.

+ Quy mô, diện tích san lấp:

* Diện tích khu đất khoảng: 41.992,2 m².

* Diện tích san lấp cát khoảng: 41.992,2 m².

+ Giải pháp về cao độ:

* Cao độ san lấp +2,5m (Hệ cao độ quốc gia - Hòn Dấu).

* Cao độ hiện trạng trung bình toàn khu đối với bờ líp là: +1,50m, cao độ trung bình đáy mương là: +0,934m.

- Hệ thống đường giao thông:

+ Quy mô đầu tư:

* Xây dựng hoàn thiện các tuyến đường phù hợp với quy hoạch chi tiết tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 được duyệt.

* Hệ thống giao thông trong khu đảm bảo lưu thông tiện lợi giữa bên trong và bên ngoài dự án, giữa các khu chức năng với nhau, đảm bảo các tiêu chuẩn kinh tế, kỹ thuật, cụ thể như bảng sau:

Bảng thống kê tên đường và lộ giới

STT	Tên đường	Lề trái (m)	Lòng đường (m)	Lề phải (m)	Lộ giới (m)
I	Giao thông đối ngoại				
1	Đường Nguyễn Văn Cừ				
II	Giao thông nội bộ				
1	Đường D1	5	9	5	19
2	Đường D2	3	7	3	13
3	Đường D3	3	7	3	13
4	Đường D4	3	7	3	13
5	Đường số 9	6	18	6	30
6	Đường số 10	6	11,5	6	23,5
7	Đường số 35	3	7	3	13

+ Giải pháp về cao độ, độ dốc:

* Cao độ thiết kế đóng vai trò rất quan trọng trong tình trạng ngập nước khi triều lên sẽ được giải quyết nếu cao độ thiết kế cao hơn so với cao độ ngập lụt. Bên cạnh đó, cao độ của tuyến đường làm mới trong dự án này cũng không được quá cao so với các đường hiện hữu trong khu vực.

* Giải pháp về cao độ, độ dốc:

- . Cao độ mép đường là: +2,55m.
- . Cao độ đỉnh gờ bó vỉa hè là: +2,70m.
- . Độ dốc mặt đường: $i = 2,0\%$; độ dốc dọc: $i = 0,0\%$.
- . Độ dốc ngang vỉa hè : 1,5% (01 mái).

* Giải pháp kết cấu và chỉ tiêu kỹ thuật:

Căn cứ theo QCVN 07- 4:2016/BXD và Tiêu chuẩn đường đô thị - yêu cầu thiết kế TCXDVN104-2007, các tuyến đường trong khu dự án có các tiêu chuẩn kỹ thuật ứng với cấp hạng thiết kế:

- . Loại đường : Đường đô thị.
- . Cấp kỹ thuật : 40.
- . Tốc độ thiết kế : 40km/h.
- . Cấp tải trọng : Trục xe 10 tấn.
- . Mặt đường : Cấp cao A1.
- . Modun đàn hồi yêu cầu : $E_{yc} \geq 120\text{MPa}$.
- . Cao độ thiết kế mép đường : +2,55 (hệ cao độ Quốc gia Hòn Dấu).
- . Cao độ thiết kế gờ bó vỉa : +2,70 (hệ cao độ Quốc gia Hòn Dấu).
- * Kết cấu áo đường: $E_{ch} = E_{yc} * 1,10 = 120 * 1,10 = 132\text{MPa}$.
- . Lớp mặt đường Bê tông nhựa nóng (BTNC 12,5) dày 7cm.
- . Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn $1\text{kg}/\text{m}^2$.
- . Lớp móng trên cấp phối đá dăm loại 1 dày 17cm, $D_{max} = 25\text{mm}$, đầm chặt, $K \geq 0,98$.
- . Lớp móng dưới cấp phối đá dăm loại 2 dày 18cm, $D_{max} = 37,5\text{mm}$, đầm chặt, $K \geq 0,98$.
- . Trải vải địa kỹ thuật phân cách (cường độ kéo $\geq 15\text{kN}/\text{m}$).
- . Đắp cát dày 50cm lớp trên cùng, đầm chặt $K \geq 0,98$, $E \geq 40\text{MPa}$.
- . Đắp cát lớp tiếp theo dày 30cm, đầm chặt $K \geq 0,95$.
- * Giải pháp kết cấu vỉa hè:
- . Bê tông gờ bó vỉa hè đổ tại chỗ đá 1x2 M250.

- . Bê tông gờ chắn lề đổ tại chỗ đá 1x2 M250.
- . Vỉa hè lát gạch 30x30cm (tương đương gạch Terrazzo).
- . Lu lèn lớp đá dăm loại I dày 12cm.
- . Lớp cát bù lề đường, vỉa hè.
- . Lớp cát san lấp đầm chặt $K \geq 0,90$.

* Hệ thống cấp nước – phòng cháy chữa cháy:

. Nguồn cấp nước: Nguồn nước phục vụ khu quy hoạch đấu nối với đường ống cấp nước hiện hữu D200 đi ngang khu quy hoạch được bố trí dọc tuyến đường Nguyễn Văn Cừ nối dài. Nguồn nước thuộc nhà máy nước Bông Vang, nước cung cấp đảm bảo tiêu chuẩn sinh hoạt, đủ lưu lượng, áp lực yêu cầu đúng qui định hiện hành.

. Phương án thiết kế: xây dựng mới hệ thống cấp nước nội vi và đấu nối vào hệ thống cấp nước chung toàn thành phố.

. Hình thức bố trí: Mạng lưới cấp nước là mạng lưới vòng kết hợp mạng lưới phân nhánh. Được bố trí dọc dưới vỉa hè đường giao thông chính quanh các khu vực trong khu quy hoạch.

. Mạng lưới cấp nước bao gồm các hệ thống đường ống phục vụ cho các khu. Mỗi hệ thống đều có tuyến ống cấp nước chính có đường kính D110mm.

. Ngoài ra trên mạng cấp nước có bố trí các trụ chữa cháy D110 (khoảng cách giữa các trụ không quá 150m). Trụ chữa cháy được bố trí ở nơi thuận tiện cho việc lấy nước chữa cháy.

. Loại ống: sử dụng ống HDPE cho toàn bộ hệ thống cấp nước khu vực, những đoạn ống băng đường sử dụng ống lồng thép để đảm bảo khả năng chịu lực của ống.

* Hệ thống thoát nước: Hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước sinh hoạt là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn, bao gồm:

. Hệ thống thoát nước mưa:

. Giải pháp thiết kế:

.. Nước mưa là loại nước thải quy ước sạch, nước mưa được thu vào mạng lưới tuyến ống qua các hố thu bố trí 2 bên đường, tự chảy trong hệ thống cống sau đó đấu nối với hệ thống thoát nước mưa trên đường Nguyễn Văn Cừ.

.. Hình thức thoát nước: nước mưa được vận chuyển trong hệ thống cống kín, bố trí dọc dưới vỉa hè. Đường kính cống thoát nước D400-D800.

.. Trên từng tuyến ống có đặt những hố ga nhằm thu hết nước bề mặt và nước trong lưu vực tính toán, khoảng cách hố ga 20m-30m.

.. Cống được sử dụng trong hệ thống thoát nước là loại cống bê tông cốt thép miệng bát đúc sẵn.

.. Đoạn cống trên vỉa hè: tải trọng thiết kế H10.

.. Đoạn cống qua đường: tải trọng thiết kế H30.

. Hệ thống thoát nước sinh hoạt:

.. Hiện trạng khu quy hoạch chưa có hệ thống thoát nước thải sinh hoạt.

.. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt tiếp nhận nước thải từ trong từng căn hộ chảy ra qua lọc cục bộ bằng hầm tự hoại 03 ngăn và vận chuyển về trạm xử lý nước thải tại công viên trên đường D1.

. Phương án thiết kế:

.. Hệ thống thoát nước sinh hoạt là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn.

.. Nước thải tại các khu vệ sinh phải được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại mới được xả vào hệ thống thoát nước sinh hoạt. Tuyến thu gom nước thải uPVC D200. Sau đó tự chảy về trạm xử lý nước thải đặt ở công viên giáp với đường Nguyễn Văn Cừ để xử lý đạt cột A theo QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi xả ra hệ thống thoát nước của khu vực.

. Loại cống:

.. Cống trên vỉa hè: cống bê tông cốt thép D300 (mm), tải trọng H10.

.. Đoạn ống qua đường: cống bê tông cốt thép D300, tải trọng tính toán H30.

.. Ống thu gom nước thải: ống uPVC D200.

* Hệ thống chiếu sáng:

. Nguồn điện cấp cho hệ thống điện chiếu sáng công cộng được lấy từ nhà trạm biến áp tại chỗ.

. Hệ thống điện chiếu sáng công cộng được thiết kế theo các giá trị sau:

.. Trị số độ rọi và độ chói được tính trên dải có hoạt động vận chuyển của đường phố cấp III.

.. Độ rọi trung bình: $E_{tb} = 6\text{Lux}$.

.. Độ chói trung bình: $L_{tb} = 0,4\text{ cd/m}^2$.

.. Hệ số dự trữ: $K = 1,5$.

.. Tổng chiều dài cáp chiếu sáng kéo mới: 989 m.

.. Chiều rộng trung bình lòng đường: 7÷9 m.

. Hệ thống chiếu sáng công cộng: xây mới toàn bộ hệ thống lưới cáp ngầm điện chiếu sáng.

. Đặc tính kỹ thuật của đèn chiếu sáng:

.. Đèn: đèn LED công suất từ 70-120W/220V có hiệu suất quang thông $\geq 100\text{Lm/W}$; khả năng hiển thị đơn sắc; thời hạn sử dụng của bộ đèn khi hoạt động (thời gian thấp sáng) tối thiểu ≥ 30.000 giờ; nhiệt độ màu $\geq 2.500\text{K}$ dùng chiếu sáng đường phố.

.. Lưới cung cấp nguồn: Sử dụng cáp đi ngầm Cu/DSTA/XLPE/PVC - 0,6/1kV, tiết diện phù hợp với tải của đèn về mặt kinh tế và lâu dài.

.. Tủ điều khiển: Sử dụng tủ composite 2 ngăn có kích thước 775x478x324.

.. Tủ điện điều khiển chiếu sáng tự động đóng cắt ở 02 chế độ và có thể điều chỉnh bằng tay, có đèn báo và các thiết bị đo đếm.

. Giải pháp thiết kế phần đường dây hạ áp: Được xây dựng mới bố trí đi ngầm, sử dụng cáp đồng bọc chống thấm, cách điện Cu/XLPE/DSTA/PVC có tiết diện phù hợp.

. Chung loại đường dây: Đường dây hạ áp ngầm 3 pha 4 dây có trung tính trực tiếp nối đất.

. Tủ phân phối: Tủ điện phân phối được làm bằng composite có kích thước 400x600x1.050mm, tủ điện được đặt trên vỉa hè tại ranh đất giữa hai nhà và cách chỉ giới xây dựng 1,0m. Tại mỗi vị trí đặt tủ, được dùng 01 cọc tiếp đất $\Phi 16$ dài 2,4m kết nối với cáp đồng trần $M25mm^2$ để nâng cao độ an toàn trong quá trình vận hành.

* Hệ thống cấp điện (đường dây và trạm biến áp):

. Đường dây cáp ngầm trung thế xây dựng mới sẽ được dự kiến đấu nối vào trụ số 96/53/23 tuyến 475_LH.

. Lưới điện trung thế 22kV dẫn vào khu quy hoạch được thiết kế đi ngầm.

. Hệ thống đèn đường được bố trí dọc các trục đường trong khu quy hoạch.

. Giải pháp thiết kế phần trạm biến áp:

.. 02 máy biến áp có dung lượng 2x750kVA để cấp điện cho phụ tải dự án.

.. Trạm biến áp được đặt tại vị trí theo quy hoạch. Loại trạm dự kiến là trạm một cột đặt trên trụ thép, móng bê tông có gia cố chịu lực và chống lún và đảm bảo mỹ quan cho toàn bộ công trình.

.. Vị trí dự kiến đặt trạm đặt tại khu vực cuối mỗi công viên (xem bản vẽ mặt bằng).

. Giải pháp thiết kế phần đường dây trung áp: Lắp mới đường dây trung áp 3 pha 22kV để cấp nguồn cho các trạm biến áp 3 pha 22/0,4kV.

. Điểm dự kiến đấu nối:

.. Hiện trạng khu vực quy hoạch có đường dây trung thế 22kV 3pha hiện hữu tuyến 475_LH từ trạm 110/22kV Long Hòa, qua đường dây trung thế dọc đường Nguyễn Văn Cừ, do đó rất thuận lợi cho việc đấu nối cấp nguồn cho phụ tải trong khu quy hoạch.

.. Đường dây cáp ngầm trung thế xây dựng mới sẽ được dự kiến đấu nối vào trụ số 96/53/23 tuyến 475_LH.

. Giải pháp thiết kế phần trạm.

.. Vị trí dự kiến đặt trạm, trạm biến áp được đặt tại trung tâm phụ tải. Máy biến áp đặt trên trụ ngoài trời. (xem bản vẽ mặt bằng).

.. Với nhu cầu phụ tải, dự kiến xây dựng mới cho toàn khu 02 trạm biến áp

.. Máy biến áp:

... Máy biến áp 3 pha 22/0,4KV. Loại MBA phân phối ngoài trời làm mát tự nhiên, có nấc điều chỉnh điện áp không tải + 2 x 2,5%. Các đầu sứ cao máy biến áp có lắp nắp chụp bằng silicon.

. Dây dẫn, cáp lực:

.. Phía trung áp: Sử dụng cáp đồng bọc CXV - 24kV có tiết diện phù hợp theo công suất từng trạm biến áp.

.. Phía hạ áp: Sử dụng cáp đồng bọc CV - 0,6/1KV cho dây pha và dây trung tính có tiết diện phù hợp theo công suất từng trạm biến áp. Cáp được luồn trong ống bảo vệ HDPE 130/100mm.

. Tiếp địa trạm:

Lắp hệ thống tiếp địa gồm 4 cọc sắt D16 mạ kẽm nhúng nóng dài 2,4m và liên kết bằng cáp đồng trần 25mm² bảo đảm điện trở đất không lớn hơn 4Ω. Khi đo đạt kiểm tra, nếu không đạt sẽ được bổ sung.

. Giải pháp thiết kế phân đường dây hạ áp.

.. Căn cứ vào nhu cầu phụ tải từng khu vực, chọn tiết diện dây cho phù hợp nhằm đảm bảo khả năng cung cấp điện và giảm chi phí đầu tư xây dựng công trình.

.. Được xây dựng mới bố trí đi ngầm, sử dụng cáp đồng bọc chống thấm, cách điện Cu/XLPE/DSTA/PVC có tiết diện phù hợp.

.. Chủng loại đường dây: Đường dây hạ áp ngầm 3 pha 4 dây có trung tính trực tiếp nối đất.

.. Tủ phân phối: Tủ điện phân phối được làm bằng composite có kích thước 400x600x1.050mm, tủ điện được đặt trên vỉa hè tại ranh đất giữa hai nhà và cách chỉ giới xây dựng 1,0m. Tại mỗi vị trí đặt tủ, được dùng 01 cọc tiếp đất Ø16 dài 2,4m kết nối với cáp đồng trần M25mm² để nâng cao độ an toàn trong quá trình vận hành.

* Hệ thống thông tin liên lạc.

. Thiết lập hệ thống hạ tầng thông tin liên lạc trong khu vực bao gồm hệ thống thông tin đặt sẵn nối liên thông các trục đường chính, các tủ cáp lắp đặt trên bệ đặt sẵn và hệ thống trục cáp chính thông tin liên lạc kéo sẵn cho hệ thống tủ cáp. Móng tủ bằng bê tông có kích thước 400x350x800mm tại mỗi tủ điều lắp sẵn ống nhựa HDPE Ø 40/30 để lắp đặt cáp ngầm đến các hộ các hộ đăng ký sử dụng.

. Hệ thống ống nhựa xoắn HDPE fi -130/100 luôn cáp truyền dẫn phải được lắp đặt đi ngầm theo tiêu chuẩn ngành và dung lượng phải đủ đáp ứng được nhu cầu thuê bao của từng khu vực.

. Độ sâu chôn ống luôn cáp phải được chôn sâu từ 0,5-1,0m đi trên hè đường cách bó vỉa hè từ 2-3m. Tại các vị trí tuyến cáp thông tin liên lạc giao cắt với đường giao thông ống luôn cáp phải sử dụng ống thép chịu lực, chôn sâu từ 0,8m đến 1,2m so với mặt đường giao thông.

. Trên tuyến cáp khoảng 40m chiều dài tuyến cáp phải được xây dựng 01 hố ga luôn cáp, hoặc tại các vị trí hướng cáp thay đổi phải đặt 01 hố ga luôn cáp. Hố ga sử dụng loại nắp gang lật có khóa, kích thước hố ga 1000 x 1000 x 1000 mm.

. Tại các vị trí gần khu nhà cao tầng, khu nhà hành chính, khu vực dân cư phải đặt tủ cáp phân phối chính MDF. Tủ cáp MDF phải là loại tủ đảm bảo chống được mọi thời tiết và được đặt trên bệ bê tông cao 0,2m cách mặt hè và đủ dung lượng thuê bao cho từng khu vực.

. Tổng nhu cầu dự kiến thuê bao: 507 thuê bao.

* Hệ thống cây xanh

. Cây xanh khu dân cư có 02 nhóm chính:

.. Cây xanh sử dụng công cộng (công viên, vườn hoa, vườn dạo...).

.. Cây xanh đường phố (cây xanh, thảm cỏ trồng trong phạm vi chỉ giới đường đỏ). Tất cả các tuyến đường trong quy hoạch đều phải trồng cây xanh đường phố.

. Đối với vỉa hè các tuyến đường nội bộ khu: trồng cây bàng Đài Loan, khoảng cách trồng trung bình 5m-10m/cây đối với khu nhà liên kế; Trồng cây tại vị trí ranh đất giữa hai nhà, tránh trồng lối ra vào nhà, không trồng cây ngay trước nhà làm cản trở lối vào.

. Để tăng cường khả năng thoát nước và tính thẩm của vỉa hè, các cây xanh trồng trên các tuyến đường có cao độ bó vỉa bồn trồng cây được hạ bằng cao độ vỉa hè, và các bồn cây được trồng cỏ lá gừng bao quanh gốc cây.

* Hệ thống xử lý nước thải:

. Tổng lượng nước thải: dự kiến 320 m³/ngày.đêm.

. Nước sinh hoạt trong các công trình xây dựng phải được xử lý trước bằng bể tự hoại.

. Xây dựng hệ thống cống thu gom nước thải sinh hoạt đã qua xử lý bằng bể tự hoại trong các công trình sẽ được dẫn về điểm xử lý nước thải nội bộ trong khu quy hoạch xử lý lần 2 trước khi thoát ra ngoài theo đúng quy định.

Nước thải theo hệ thống thoát nước dẫn về trạm xử lý. Xử lý triệt để các thành phần ô nhiễm có trong nước thải nhằm đạt tiêu chuẩn hiện hành (Cột A - QCVN 14:2008/BTNMT).

* Thu gom chất thải rắn:

. Đối với khu vực xây dựng nhà ở thấp tầng có thể giải quyết rác theo hai phương thức:

.. Đặt các thùng rác nhỏ dọc theo các tuyến đường, khoảng cách giữa các thùng rác là 50m/1thùng, thuận tiện cho người dân đổ rác. Ở mỗi vị trí đặt thùng rác cần tiến hành đặt 02 thùng màu khác nhau với mục đích phân loại rác ngay tại nguồn.

.. Xe chở rác thu gom theo giờ cố định:

... Đối với các công trình công cộng, rác được thu gom thông qua hợp đồng trực tiếp với công ty môi trường đô thị.

... Đối với khu vực cây xanh, đặt các thùng rác nhỏ dọc theo các đường dạo với khoảng cách 50m/1thùng.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng; tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở:

a) Nhà thầu thiết kế cơ sở, lập dự án: Viện Quy hoạch Xây dựng Cần Thơ, chủ nhiệm lập dự án: Ths.Ks. Phan Minh Tú.

b) Nhà thầu khảo sát: Viện Quy hoạch Xây dựng Cần Thơ.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:

a) Địa điểm xây dựng: phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

b) Diện tích sử dụng đất: Khu đất có diện tích khoảng 41.992,2 m² (4,19 ha).

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

a) Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính: Dự án nhóm C, loại công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, cấp III.

b) Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: trên 50 năm.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

a) Số bước thiết kế: 02 bước.

b) Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: (Đính kèm Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn).

9. Tổng mức đầu tư; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư: 48.235.895.359 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi tám tỷ, hai trăm ba mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi lăm nghìn, ba trăm năm mươi chín đồng).

Trong đó:

a) Chi phí xây dựng và thiết bị sau thuế	39.503.321.546	đồng.
b) Chi phí quản lý dự án	843.898.685	đồng.
c) Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	2.186.968.716	đồng.

- d) Chi phí khác 1.316.625.016 đồng.
đ) Dự phòng phí 4.385.081.396 đồng.

10. Tiến độ thực hiện dự án; phân kỳ đầu tư; thời hạn hoạt động của dự án:

- a) Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2021 - 2023.
b) Dự kiến phân kỳ đầu tư thực hiện dự án, cụ thể như sau:
- Năm 2021:
+ Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng.
+ Thiết kế bản vẽ thi công, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công. Lựa chọn nhà thầu và tổ chức lựa chọn nhà thầu.
+ Khởi công xây dựng công trình.
- Năm 2022: Thi công xây dựng công trình.
- Năm 2023: Hoàn thành công trình và phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành.

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách thành phố.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án và một phần thuê tư vấn quản lý dự án.

13. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên; phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Theo quy định hiện hành.

14. Trình tự đầu tư xây dựng đối với công trình bí mật nhà nước: Không.

15. Các nội dung khác:

Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Cần Thơ (chủ đầu tư) có trách nhiệm:

- a) Tổ chức thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định sau khi dự án được phê duyệt, hạn chế tối thiểu phát sinh đảm bảo tiết kiệm chi phí và hiệu quả dự án.
b) Kiểm tra và thực hiện Chỉ thị số 494/CT-TTg ngày 20 tháng 4 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng vật tư, hàng hóa sản xuất trong nước trong công tác đấu thầu các dự án sử dụng vốn nhà nước.
c) Có kế hoạch cụ thể xây lắp các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án và thông qua các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.
d) Về kết nối với hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài dự án: Kết nối với tuyến ống cấp thoát nước, đấu nối cấp điện, đấu nối giao thông cần phải có ý kiến thỏa thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận. Chủ đầu tư có trách nhiệm liên hệ với các đơn vị cấp nước, viễn thông, điện lực,..., để thỏa



thuận việc đấu nối và cung cấp dịch vụ phục vụ cho nhu cầu của dự án.


đ) Kiểm tra sự phù hợp giữa thiết kế cơ sở và ranh giới, mốc giới khu đất (cần lưu ý lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi các trục đường tiếp giáp để định vị trước khi khởi công xây dựng công trình; vị trí xây dựng công trình nằm trong phạm vi quy hoạch được phê duyệt).

e) Trước khi khởi công và xây dựng từng hạng mục công trình, phải đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 107 Luật Xây dựng.


g) Về an toàn lao động phải thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư 04/2017/TT-BXD ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình.

h) Chỉ đưa công trình vào sử dụng sau khi đã có chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Phòng cháy chữa cháy; tổ chức nghiệm thu theo Luật Xây dựng.

Điều 2. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Cần Thơ có trách nhiệm tổ chức thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định sau khi dự án được phê duyệt, hạn chế tối thiểu phát sinh đảm bảo tiết kiệm chi phí và hiệu quả dự án.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Cần Thơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Cần Thơ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND TP (1A);
- VP UBND TP (3D);
- Công TTĐTTP;
- Lưu: VT. 

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thục Hiện



DANH MỤC QUY CHUẨN, TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG
Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư thuộc Khu đô thị đường
Nguyễn Văn Cừ (đoạn từ đường Cái Sơn Hàng Bàng đến đường tỉnh 923).

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1044/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ).

Quy chuẩn, tiêu chuẩn chung áp dụng cho dự án

Số hiệu	Tên Tiêu chuẩn – Quy chuẩn
QCXDVN 01:2019/BXD	Quy chuẩn xây dựng Việt Nam - Quy hoạch Xây dựng
QCVN 03:2012/BXD	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Phân loại, phân cấp công trình, xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị.
QCVN 07:2016/BXD	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Các công trình hạ tầng kỹ thuật
QCVN 08:2009/BXD	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Công trình ngầm đô thị.
QCXDVN 10:2014/BXD	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng
QCXDVN 09:2013/BXD	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia “Các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả”
TCVN 05 – 2008 /BXD	Nhà ở và công trình công cộng – An toàn sinh mạng và sức khỏe
TCVN 2737:1995	Tiêu chuẩn “Tải trọng và tác dụng - Tiêu chuẩn thiết kế”
TCVN 5574:2012	Tiêu chuẩn “Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế”
TCVN 10304:2014	Tiêu chuẩn “Móng cọc - Tiêu chuẩn thiết kế”

Tiêu chuẩn – quy phạm về thiết kế

Số hiệu	Tên Tiêu chuẩn – Quy phạm
QCVN 41:2012/BGTVT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ
QCVN 14:2008/BTNMT	Qui chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt
TCXDVN 104:2007	Tiêu chuẩn thiết kế đường đô thị
TCVN 4054-2005	Đường ô tô – Yêu cầu thiết kế.
22TCN 211-06	Áo đường mềm – Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế
22 TCN 262-2000	Quy trình khảo sát thiết kế nền đường ô tô đắp trên nền đất yếu
TCXDVN 266-2002	Đường và hệ phố–Nguyên tắc cơ bản xây dựng công

Số hiệu	Tên Tiêu chuẩn – Quy phạm
	trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng
TCVN 7957:2008	Thoát nước mạng lưới bên ngoài và công trình - Tiêu chuẩn thiết
TCVN 6772-2002	Chất lượng nước. Nước thải sinh hoạt. Giới hạn ô nhiễm cho phép.
TCVN 7222 – 2002	Yêu cầu chung về môi trường đối với các trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.
TCVN 9113:2012	Ống bê tông cốt thép thoát nước
TCVN 6696:2000	Chất thải rắn – Bãi chôn lấp hợp vệ sinh. Yêu cầu chung về bảo vệ môi trường
22TCN 150-1986	Quy trình thi công & nghiệm thu công tròn BTCT lắp ghép
TCXD 33:2006	Tiêu chuẩn thiết kế đường ống cấp nước
TCXDVN 333:2005	Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và hạ tầng kỹ thuật đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế
TCN-18-2006	Quy phạm trang bị điện về Quy định chung
TCVN 9250:2012	Tiêu chuẩn quốc gia: Trung tâm dữ liệu – Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật viễn thông
TCN 68-153:1995	Công, bê cấp và tủ đầu cấp – Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 9257:2012	Quy hoạch cây xanh dự dụng công cộng trong các đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế.
TCVN 4452: 1987	Kết cấu BT và BTCT lắp ghép cho bó vỉa gốc cây đường phố: Quy phạm thi công và nghiệm thu – TCVN 4452: 1987.

Tiêu chuẩn – quy phạm về thi công và nghiệm thu

Số hiệu	Tên Tiêu chuẩn – Quy phạm
TCVN 8859:2011	Lớp móng CPĐD trong kết cấu áo đường ô tô – Vật liệu, thi công và nghiệm thu
TCVN 4447-87	Công tác đất - Quy trình thi công và nghiệm thu.
TCVN 4452-87	Qui trình thi công và nghiệm thu các kết cấu BT và BTCT lắp ghép.
TCVN 4453-95	Qui trình thi công và nghiệm thu các kết cấu BT và BTCT toàn khối
TCXD 79-1980	Thi công và nghiệm thu các công tác nền móng
TCVN 8819:2011	Mặt đường bê tông nhựa nóng – Yêu cầu thi công và nghiệm thu.
TCVN 4516-1988	Hoàn thiện mặt bằng xây dựng. Qui phạm thi công và nghiệm thu
TCVN 8861:2011	Áo đường mềm – Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng

TCVN 8867:2011	Áo đường mềm – Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo độ võng Benkelman
----------------	--

Tiêu chuẩn – quy phạm quản lý thi công và an toàn thi công

Số hiệu	Tên Tiêu chuẩn – Quy phạm
TCVN 4055-1985	Tổ chức thi công
TCVN 5637-1991	Quản lý chất lượng xây lắp công trình – Nguyên tắc cơ bản.
TCVN 4087-1985	Sử dụng máy xây dựng – Yêu cầu chung.
TCVN 5640-1991	Bàn giao công trình xây dựng – Nguyên tắc cơ bản.
TCVN 5308:1991	Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng.
TCVN 4431:1987	Quy phạm an toàn trong công tác xếp dỡ – Yêu cầu chung
TCVN 4086-1985	An toàn điện trong xây dựng.
TCVN 3146-1986	An toàn hàn điện.
TCVN 3254-1989	An toàn cháy trong xây dựng.
TCVN 4244-1986	An toàn thiết bị nâng

- Áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành liên quan đến kỹ thuật công trình hiện hành.